



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỐ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 25
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau). Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 1900135322 cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 28 tháng 07 năm 2025.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Truyền	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Sĩ Trung	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Minh Hải Dương	Phó Giám đốc (Cách chức ngày 26/11/2025)
Bà Phan Võ Anh Thư	Phó Giám đốc
Bà Trần Thu Thảo	Phó Giám đốc
Bà Phan Thị Yến Nhi	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Văn Truyền – Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu

Số 07, đường Hai Bà Trưng, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Nguyễn Văn Truyền

Chủ tịch Công ty

Cà Mau, ngày 29 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu được lập ngày 29 tháng 01 năm 2026, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.15 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó khoản lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phải trả các đại lý tương ứng với các khoản gửi hộ cho các đại lý (Thuyết minh 04**) được Công ty hạch toán nhập gốc tương ứng phần nhận ký quỹ, ký cược đại lý (Thuyết minh 15b) theo thông báo của Ngân hàng tại ngày đáo hạn các khoản tiền gửi đó.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 4876-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.722.032.448.118	1.797.705.337.074
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	393.828.129.491	767.480.983.444
111	1. Tiền		122.828.129.491	107.480.983.444
112	2. Các khoản tương đương tiền		271.000.000.000	660.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.072.430.436.109	790.566.033.079
121	1. Đầu tư ngắn hạn	4	1.072.430.436.109	790.566.033.079
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		252.515.643.533	234.863.772.604
131	1. Phải thu của khách hàng	5	231.219.899.000	209.335.848.120
132	2. Trả trước cho người bán	6	66.000	13.116.109.090
135	3. Các khoản phải thu khác	7	113.070.657.845	104.186.794.706
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	8	(91.774.979.312)	(91.774.979.312)
140	IV. Hàng tồn kho		2.284.568.502	2.444.605.661
141	1. Hàng tồn kho	9	2.284.568.502	2.444.605.661
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		973.670.483	2.349.942.286
154	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	973.670.483	2.349.942.286
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.114.595.562	17.065.777.356
220	II. Tài sản cố định		11.290.213.217	12.816.093.035
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.594.992.861	10.793.813.592
222	- Nguyên giá		50.006.213.662	50.006.213.662
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.411.220.801)	(39.212.400.070)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.695.220.356	2.022.279.443
228	- Nguyên giá		2.875.600.000	2.875.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.180.379.644)	(853.320.557)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		3.202.980.000	3.202.980.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12	3.202.980.000	3.202.980.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		621.402.345	1.046.704.321
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		621.402.345	1.046.704.321
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.737.147.043.680	1.814.771.114.430

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.337.147.043.680	1.414.771.114.430
310	I. Nợ ngắn hạn		985.363.736.404	1.077.352.210.184
312	1. Phải trả người bán	13	9.696.894.469	2.690.112.020
313	2. Người mua trả tiền trước		-	5.496.130
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	883.046.779.670	850.060.707.196
315	4. Phải trả người lao động		16.461.765.951	7.133.920.938
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.318.753.330	-
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	136.622.000	50.000.000
321	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	13.126.289.150	13.126.289.150
322	7. Dự phòng rủi ro trả thưởng	17	54.600.000.000	197.399.837.100
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.976.631.834	6.885.847.650
330	II. Nợ dài hạn		351.783.307.276	337.418.904.246
333	1. Phải trả dài hạn khác	15	351.783.307.276	337.418.904.246
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400.000.000.000	400.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	17	400.000.000.000	400.000.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.737.147.043.680	1.814.771.114.430

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
1. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		134.540.000.000	130.000.000.000

Cao Thị Phượng
Người lập biểu

Phan Thị Yến Nhi
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Truyền
Chủ tịch Công ty
Cà Mau, ngày 29 tháng 01 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu	20	6.500.563.059.377	5.982.256.889.666
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		6.499.999.999.980	5.981.813.245.263
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		6.499.999.999.980	5.981.813.245.263
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		563.059.397	443.644.403
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	847.826.086.881	780.236.510.362
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		847.826.086.881	780.236.510.362
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		847.826.086.881	780.236.510.362
02.2	2.2. Giảm trừ doanh thu khác		-	-
10	3. Doanh thu thuần		5.652.736.972.496	5.202.020.379.304
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		5.652.173.913.099	5.201.576.734.901
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		5.652.173.913.099	5.201.576.734.901
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		563.059.397	443.644.403
11	4. Chi phí kinh doanh	22	4.674.895.458.065	4.219.277.192.651
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		4.674.895.458.065	4.219.277.192.651
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thưởng		3.528.255.800.000	3.159.136.300.000
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		1.146.639.658.065	1.060.140.892.651
11.2	4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp		977.841.514.431	982.743.186.653
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		977.278.455.034	982.299.542.250
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		563.059.397	443.644.403
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	34.404.082.398	34.759.401.556
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	97.630.741.956	149.671.592.260
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		914.614.854.873	867.830.995.949
31	11. Thu nhập khác	25	257.751.152	186.090.810
32	12. Chi phí khác	26	195.765.425	186.920.000
40	13. Lợi nhuận khác		61.985.727	(829.190)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		914.676.840.600	867.830.166.759
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	183.160.495.641	173.689.268.592
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		731.516.344.959	694.140.898.167

Cao Thị Phụng
Người lập biểu

Phan Thị Yến Nhi
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Truyền
Chủ tịch Công ty
Cà Mau, ngày 29 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã CHỈ TIÊU số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	7.128.718.557.140	6.517.311.486.480
02 2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(4.553.276.145.389)	(1.063.452.782.096)
03 3.	Tiền chi trả cho người lao động	(34.924.577.401)	(33.379.453.973)
05 5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(178.913.868.757)	(160.671.772.174)
06 6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	118.923.500.926	167.623.707.411
07 7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.745.046.067.446)	(4.720.432.116.442)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	735.481.399.073	706.999.069.206
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	(220.230.000)
23 3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.212.430.436.109)	(776.736.033.079)
24 4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	930.566.033.079	1.094.062.608.632
27 7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25.011.612.536	43.202.893.330
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(256.852.790.494)	360.309.238.883
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36 6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(852.281.462.532)	(501.156.809.799)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(852.281.462.532)	(501.156.809.799)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(373.652.853.953)	566.151.498.290
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	767.480.983.444	201.329.485.154
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	393.828.129.491	767.480.983.444

Cao Thị Phượng
Người lập biểu

Phan Thị Yến Nhi
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Truyền
Chủ tịch Công ty
Cà Mau, ngày 29 tháng 01 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2025**

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau). Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 1900135322 cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 28 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty: Số 07, đường Hai Bà Trưng, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 79 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 79 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 07 ngày 28 tháng 07 năm 2025 là:

- Xổ số kiến thiết;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Thương mại, dịch vụ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ tháng 06 năm 2025, Bộ tài chính cho phép Công ty phát hành 14 triệu vé/kỳ dẫn đến doanh thu và chi phí năm 2025 của Công ty tăng so với năm 2024.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Dự thu lãi tiền gửi;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm
- Phần mềm quản lý	02	năm
- Quyền sử dụng đất	Không	thời hạn

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tài sản cố định đang mua sắm mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: $DPtt = DT \times TLkh - TTtt$

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số;
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 của Quốc hội về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Riêng lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đối với các khoản gửi hộ cho các đại lý, Công ty hạch toán lãi nhập gốc tương ứng phần nhận kỳ quỹ, kỳ cược theo thông báo của Ngân hàng khi đến ngày đáo hạn các khoản tiền gửi đó.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	4.383.793.289	14.959.459.943
Tiền gửi ngân hàng	118.444.336.202	92.521.523.501
Các khoản tương đương tiền (*)	271.000.000.000	660.000.000.000
	393.828.129.491	767.480.983.444

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 4,75%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn		
+ Tiền gửi có kỳ hạn - Công ty (*)	738.000.000.000	470.500.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn - Đại lý vé số (**)	334.430.436.109	320.066.033.079
	1.072.430.436.109	790.566.033.079

(*) Tại ngày 31/12/2025, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,8%/năm đến 7,25%/năm.

(**) Là số dư tiền gửi có kỳ hạn bằng nguồn tiền thế chấp của các đại lý vé số (Thuyết minh 15b). Trong đó, lãi tiền gửi từ số tiền thế chấp này Công ty sẽ hoàn trả cho các đại lý vé số.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là đại lý		
- Đại lý Thái Phước Hà	32.413.500.000	30.098.250.000
- Đại lý Huỳnh Hồng Vân	9.844.100.000	13.563.852.280
- Đại lý Ngô Xương Phúc	6.482.500.000	10.428.103.390
- Đại lý Trương Thị Ngọc Thủy	8.883.800.000	8.229.675.570
- Các đối tượng khác	173.595.999.000	147.015.966.880
	231.219.899.000	209.335.848.120

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	-	13.116.109.090
- Các đối tượng khác	66.000	-
	66.000	13.116.109.090

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân (*)	91.352.871.167	91.352.871.167
+ Tiền gửi có kỳ hạn - Công ty	74.000.000.000	74.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn - Đại lý vé số (Thuyết minh 15b)	17.352.871.167	17.352.871.167
- Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng	18.993.008.222	9.600.538.360
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu	-	500.000.000
- Hợp tác xã Xây dựng Minh Phú	422.108.145	422.108.145
- Phải thu khác	2.302.670.311	2.311.277.034
	113.070.657.845	104.186.794.706

(*) Các khoản tiền gửi này liên quan đến vụ án chiếm dụng vốn của Ngân hàng và đã có Quyết định của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về bản án phúc thẩm. Theo kết quả của bản án phúc thẩm, hai cá nhân sẽ bồi thường cho Công ty với tổng số tiền là 70.398.985.262 VND. Do đánh giá khả năng không thể thu hồi nên Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất toàn bộ khoản tiền gửi nêu trên (Thuyết minh 08). Ngoài ra, Công ty đang gửi đơn yêu cầu Giám đốc thẩm để xác định đối tượng liên quan là Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác				
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân	91.352.871.167	(91.352.871.167)	91.352.871.167	(91.352.871.167)
- Hợp tác xã Xây dựng Minh Phú	422.108.145	(422.108.145)	422.108.145	(422.108.145)
	91.774.979.312	(91.774.979.312)	91.774.979.312	(91.774.979.312)

Mẫu B09 - XS

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Hàng hóa khuyến mại, quảng cáo	1.024.568.502	1.274.605.661
- Vé xổ số truyền thống gửi đại lý	1.210.860.000	903.825.000
- Vé xổ số truyền thống tại kho	49.140.000	266.175.000
	2.284.568.502	2.444.605.661

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất(*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.623.600.000	1.252.000.000	2.875.600.000
Số dư cuối năm	1.623.600.000	1.252.000.000	2.875.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	853.320.557	853.320.557
- Khấu hao trong năm	-	327.059.087	327.059.087
Số dư cuối năm	-	1.180.379.644	1.180.379.644
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.623.600.000	398.679.443	2.022.279.443
Tại ngày cuối năm	1.623.600.000	71.620.356	1.695.220.356

(*) Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại nhà số 78A/18, đường Thành Thái, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh (nay là phường Hoà Hưng, thành phố Hồ Chí Minh). Mục đích sử dụng làm trạm giao dịch vé số kiến thiết Bạc Liêu.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 602.000.000 VND.

12 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Xem chi tiết Phụ lục 02.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty CP In tổng hợp Cần Thơ	8.164.800.000	-
- Công ty TNHH Văn hóa Truyền thông Thời đại mới	1.231.200.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In quảng cáo Minh Trí	-	2.292.300.000
- Phải trả đối tượng khác	300.894.469	397.812.020
	9.696.894.469	2.690.112.020

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 03.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	136.622.000	50.000.000
	136.622.000	50.000.000

Mẫu B09 - XS

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
b. Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn đại lý vé số (*)	351.783.307.276	337.418.904.246
	351.783.307.276	337.418.904.246

(*) Là khoản tiền nhận thế chấp của các đại lý bao gồm gốc và lãi để bảo lãnh thanh toán cho Công ty theo quy định. Các khoản tiền nhận thế chấp này được Công ty gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh 04).

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	13.126.289.150	13.126.289.150
	13.126.289.150	13.126.289.150

Là lãi tiền gửi có kỳ hạn từ khoản nhận thế chấp của các đại lý vé số liên quan đến vụ án tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân (Thuyết minh 07) mà Công ty phải trả cho các đại lý vé số, được hạch toán theo Công văn số 116/VP-TH ngày 14/01/2022 của Sở tài chính và Công văn số 401/UBND-TH ngày 14/02/2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu.

17 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Dự phòng rủi ro trả thưởng đầu năm	197.399.837.100	189.595.432.500
- Trích lập bổ sung trong năm	-	7.804.404.600
- Hoàn nhập dự phòng trong năm (*)	(142.799.837.100)	-
	54.600.000.000	197.399.837.100

(*) Công ty hoàn nhập dự phòng và thực hiện nộp về ngân sách nhà nước theo Thông báo kết quả kiểm toán số 628/TB-KV5 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	-	400.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	694.140.898.167	694.140.898.167
Trích lập các quỹ	-	(8.162.971.528)	(8.162.971.528)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(685.977.926.639)	(685.977.926.639)
Số dư cuối năm trước	400.000.000.000	-	400.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	731.516.344.959	731.516.344.959
Trích lập các quỹ (*)	-	(11.209.185.292)	(11.209.185.292)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách (*)	-	(720.307.159.667)	(720.307.159.667)
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	-	400.000.000.000

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2025</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2025</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Nhà nước	400.000.000.000	100,00	400.000.000.000	100,00
	<u>400.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>400.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

<u>Khu đất</u>	<u>Hợp đồng</u>	<u>Mục đích sử dụng</u>	<u>Thời gian</u>	<u>Diện tích (m2)</u>
Thửa đất 248, số 07, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau)	Hợp đồng số 01/HĐTĐ ngày 09/01/2018	Trụ sở Công ty	50 năm	1.520,0
Thửa đất 186, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là phường Tân An, thành phố Cần Thơ)	Hợp đồng số 09/HĐTĐ ngày 30/11/2011	Trạm giao dịch	50 năm	115,7
Thửa đất 216, số 07, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau) (Khu đất mở rộng trụ sở Công ty)	Hợp đồng số 11/HĐTĐ ngày 04/11/2010	Trụ sở Công ty	50 năm	117,90

20 . DOANH THU

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	6.499.999.999.980	5.981.813.245.263
Doanh thu khác	563.059.397	443.644.403
	<u>6.500.563.059.377</u>	<u>5.982.256.889.666</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	847.826.086.881	780.236.510.362
	<u>847.826.086.881</u>	<u>780.236.510.362</u>

22 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí kinh doanh xổ số	4.674.895.458.065	4.219.277.192.651
- Chi phí trả thưởng	3.528.255.800.000	3.159.136.300.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	1.146.639.658.065	1.060.140.892.651
	4.674.895.458.065	4.219.277.192.651

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Chi phí cho các đại lý	1.077.964.112.600	991.476.631.500
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	1.072.500.000.000	986.999.185.500
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	5.464.112.600	4.477.446.000
2. Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.482.008.326	2.285.875.798
3. Chi phí chống số đề	-	1.130.975.000
4. Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	-	7.804.404.600
5. Chi phí về vé xổ số	64.350.000.000	55.630.909.107
6. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	930.280.000	1.001.170.000
7. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
8. Chi phí bằng tiền khác	853.257.139	750.926.646
	1.146.639.658.065	1.060.140.892.651

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	34.320.507.398	34.675.848.556
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.575.000	83.553.000
	34.404.082.398	34.759.401.556

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	53.203.252.078	36.862.565.107
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.176.016.954	1.351.185.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.879.052.021	2.847.206.694
Thuế, phí và lệ phí	852.313.738	1.599.244.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.591.266.339	13.355.123.431
Chi phí tài trợ y tế, giáo dục, xây nhà người nghèo	13.133.706.000	85.360.900.000
Chi phí quảng cáo	15.795.134.826	8.295.367.323
	97.630.741.956	149.671.592.260

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu hỗ trợ thanh lý vé số cho các tỉnh	129.636.365	186.080.810
Thu nhập khác	128.114.787	10.000
	257.751.152	186.090.810

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thu hộ nhận vé ể các tỉnh, cân giấy	195.765.425	186.920.000
	195.765.425	186.920.000

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	914.676.840.600	867.830.166.759
Các khoản điều chỉnh tăng	1.209.212.605	699.729.203
- Chi phí không được trừ	1.209.212.605	699.729.203
Các khoản điều chỉnh giảm	(83.575.000)	(83.553.000)
- Thu nhập không chịu thuế	(83.575.000)	(83.553.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	915.802.478.205	868.446.342.962
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	183.160.495.641	173.689.268.592
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	15.357.434.127	2.339.937.709
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(178.913.868.757)	(160.671.772.174)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	19.604.061.011	15.357.434.127

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu	Đại diện chủ sở hữu
Các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty	

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày đầu năm, kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày đầu năm và kết thúc năm tài chính:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu	-	500.000.000

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập của Ban Lãnh đạo, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	5.082.558.072	4.121.385.579

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC Kiểm toán.

Cao Thị Phụng
Người lập biểu

Phan Thị Yên Nhi
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Truyền
Chủ tịch Công ty
Cà Mau, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	32.130.590.096	7.939.583.646	7.564.427.806	2.371.612.114	50.006.213.662
Số dư cuối năm	32.130.590.096	7.939.583.646	7.564.427.806	2.371.612.114	50.006.213.662
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.611.002.808	7.503.592.581	7.037.707.688	2.060.096.993	39.212.400.070
- Khấu hao trong năm	792.713.739	179.671.624	117.121.212	109.314.156	1.198.820.731
Số dư cuối năm	23.403.716.547	7.683.264.205	7.154.828.900	2.169.411.149	40.411.220.801
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	9.519.587.288	435.991.065	526.720.118	311.515.121	10.793.813.592
Tại ngày cuối năm	8.726.873.549	256.319.441	409.598.906	202.200.965	9.594.992.861

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 30.808.756.572 VND.

Phụ lục 02 : ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	1.442.330.000	-	1.442.330.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu	1.760.650.000	-	1.760.650.000	-
	3.202.980.000	-	3.202.980.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về công ty khác của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết và lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Bạc Liêu	17,92%	In ấn
- Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu	Bạc Liêu	6,69%	Du lịch

Phụ lục 03 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Trong năm			31/12/2025	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số phải nộp theo kiến nghị Kiểm toán Nhà nước (*)	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND		VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	58.635.629.332	644.279.864.821	-	639.704.067.007	-	63.211.427.146
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	77.075.098.765	847.826.086.881	-	841.897.233.066	-	83.003.952.580
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15.357.434.127	183.160.495.641	28.559.326.272	207.473.195.029	-	19.604.061.011
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại		685.977.926.639	720.307.159.667	114.237.305.090	823.722.136.260	-	696.800.255.136
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	1.342.445.067	-	4.335.569.669	-	3.734.422.679	741.298.077	-
- Thuế Thu nhập cá nhân của đại lý vé số	948.168.210	-	53.898.205.630	-	49.298.693.900		3.651.343.520
- Thuế Thu nhập cá nhân của người trúng thưởng	-	13.005.500.000	187.387.070.000	-	183.648.570.000	-	16.744.000.000
- Thuế Thu nhập cá nhân thù lao ngoài	-	9.118.333	174.871.421	-	152.249.477	-	31.740.277
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	388.752	-	830.539.066	-	1.062.522.720	232.372.406	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	58.940.257	-	65.432.320	-	6.492.063	-	-
	2.349.942.286	850.060.707.196	2.642.265.295.116	142.796.631.362	2.750.699.582.201	973.670.483	883.046.779.670

(*) Công ty nộp về ngân sách nhà nước theo Thông báo kết quả kiểm toán số 628/TB-KV5 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.